

Số: 140/2021/QĐST-HNGĐ

Hạ Long, ngày 26 tháng 11 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 149, Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, các khoản 1,2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 và khoản 2 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 6 và khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 155/2021/TLST- VHNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2021 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Chị Bùi Thị T, sinh năm: 1984; địa chỉ: tổ 6, khu 4, phường H1, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

2. Anh Vũ Minh H2, sinh năm: 1983; địa chỉ: tổ 6, khu 4, phường H1, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị T và anh Vũ Minh H2 kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 19/5/2011. Nên hôn nhân giữa chị T và anh H2 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, chị T và anh H2 sống hạnh phúc đến tháng 12/2020 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau dẫn đến cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc. Chị T và anh H2 đã sống ly thân từ tháng 01/2021 đến nay không còn quan tâm đến nhau. Nay chị T và anh H2 đều xác định tình cảm vợ chồng đã hết và cùng có đơn yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh H2. Xét thấy, việc chị T và anh H2 thuận tình ly hôn là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Chị Bùi Thị T và anh Vũ Minh H2 có 01 con chung là Vũ Bùi Q A, sinh ngày 19/8/2012. Ly hôn, chị T và anh H2 thoả thuận giao con chung là Vũ Bùi Q A cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên. Anh H2 tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung Vũ Bùi Q A là 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*)/01 tháng, thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 11/2021 đến khi cháu A thành niên. Anh H2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Xét thấy, việc thoả thuận nêu trên của chị T và anh H2 là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại các khoản 1, 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 và khoản 2 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh H2 thoả thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Việc thoả thuận nêu trên giữa chị T và anh H2 là tự nguyện, phù hợp với quyền tự quyết định và định đoạt của đương sự quy định tại Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về lệ phí Tòa án: Chị T và anh H2 thoả thuận chị T có nghĩa vụ nộp toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6 và khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 (*bảy*) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 18/11/2021), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị T và anh Vũ Minh H2 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Bùi Thị T và anh Vũ Minh H2 có 01 con chung là Vũ Bùi Q A, sinh ngày 19/8/2012. Ly hôn, chị T và anh H2 thoả thuận giao con chung là Vũ Bùi Q A cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên. Anh H2 tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung Vũ Bùi Q A là 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*)/01 tháng, thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 11/2021 đến khi cháu A thành niên. Anh H2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị Bùi Thị T và anh Vũ Minh H2 thoả thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

- Về các vấn đề khác: Chị Bùi Thị T và anh Vũ Minh H2 thoả thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Bùi Thị T và anh Vũ Minh H2 thoả thuận chị T có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ đi số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng lệ phí chị T đã nộp theo biên lai thu số 0000165 ngày 9 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Chị T đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND TP H;
- Chi cục THADS TP H;
- UBND phường Q;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Bùi Thị Tố Nga